

Số: 47/2021/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn và nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hà M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Q.

Bị đơn: Anh Hà Chiến T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Hà M và anh Hà Chiến T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Lê Thị Hà M và anh Hà Chiến T thống nhất vợ chồng có một con chung tên là Hà Lê Mỹ L, sinh ngày 12/12/2019. Hiện nay, con đang ở với chị M; chị M, anh T thỏa thuận giao con Hà Lê Mỹ L cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị M là 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 06/2021 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai cản trở.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Chị Lê Thị Hà M và anh Hà Chiến T thống nhất không có tài sản chung; về nợ, vợ chồng thống nhất có nợ bố mẹ chị M là ông Lê Văn H và bà Bùi Thị T; đều trú tại thôn C, xã V, huyện Q, tỉnh Q, số tiền 7.000.000

đồng, nay chị M, anh T thỏa thuận mỗi người phải trả cho ông H và bà T 3.500.000 đồng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Hà M và anh Hà Chiến T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, án phí phân chia tài sản mỗi người phải chịu 150.000 đồng, anh T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Hai bên thỏa thuận giao chị M chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng án phí ly hôn, 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng án phí phân chia tài sản theo giá ngạch.

Số tiền án phí chị Lê Thị Hà M phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007211, ngày 08/4/2021. Chị My đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Vĩnh Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Châu